

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14824/Taya-Vn-cbtt

Biên Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
- Mã chứng khoán: TYA
- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0251-3836361-4 Fax: 0251-3836388
- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024 Trự sở chính.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam



LINH THIN PAU

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

(Giải trình BCTC kiểm toán bán niên năm 2024–Trụ sở chính)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán (trụ sở chính) năm 2024 tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023 và chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 trước kiểm toán như sau:

I. Giải trình tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023:

- Lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 Trụ sở chính công ty khoảng 22,38 tỷ đồng so với lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 thua lỗ khoảng -6,23 tỷ đồng. Nguyên nhân trong quý 1 và quý 2/2023 kinh tế thế giới suy yếu ảnh hưởng doanh thu giảm và chi phí tài chính gia tăng nên thua lỗ. Sáu tháng đầu năm 2024 kinh tế thế giới chuyển biến tích cực. Công ty bán hàng tích cực thuận lợi, yếu tố chi phí tài chính giảm và tăng doanh thu hoạt động tài chính. Vì vậy quý 2/2024 công ty kinh doanh có lãi.

II. Giải trình chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 trước kiểm toán như sau:

So sánh chênh lệch số liệu:

ĐVT: đồng

Nội dung	Số liệu kiểm toán	Số liệu tự quyết	Tăng/giảm so với kiểm toán
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (123)	133.584.671.656	133.751.981.656	-167.310.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng (131)	198.899.475.885	219.239.766.518	-20.340.290.633
Tài sản NH khác (155)	305.392.655	138.082.655	167.310.000
Người mua trả tiền trước (312)	3.340.140.240	23.680.430.873	-20.340.290.633
Bảng lãi lỗ			
Thu nhập hoạt động tài chính	9.438.435.593	9.932.986.407	-494.550.814
Chi phí tài chính	11.474.417.687	11.968.968.501	-494.550.814

1. Giải trình cụ thể:

► Bảng cân đối kế toán

- Kiểm toán điều chỉnh giảm Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (123) phát sinh chênh lệch -167.310.000 cân trừ với điều chỉnh tăng Tài sản ngắn hạn khác (155) phát sinh chênh lệch 167.310.000.
- Kiểm toán điều chỉnh giảm Phải thu ngắn hạn khách hàng (131) 198.899.475.885 phát sinh chênh lệch

-20.340.290.633 ảnh hưởng Người mua trả tiền trước (312) điều chỉnh giảm 3.340.140.240 phát sinh chênh lệch -20.340.290.633.

- Do điều chỉnh và phân loại lại các số liệu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác trong Bảng cân đối kế toán.

► **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

- Kiểm toán điều chỉnh giảm Thu nhập hoạt động tài chính 9.438.435.593 ảnh hưởng điều chỉnh giảm Chi phí tài chính thành 11.474.417.687.

► **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- Do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam





**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– **Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00451-24-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phượng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		657.291.636.168	516.791.585.282
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	95.405.777.692	33.765.894.300
Tiền	111		95.075.777.692	32.497.322.797
Các khoản tương đương tiền	112		330.000.000	1.268.571.503
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		133.584.671.656	62.751.981.656
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	133.584.671.656	62.751.981.656
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.285.085.273	181.007.884.476
Phải thu của khách hàng	131	9(a)	198.899.475.885	156.732.055.685
Trả trước cho người bán	132	9(b)	3.743.477.634	24.507.320.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(c)	7.666.091.042	792.467.759
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	10	200.210.489.138	211.342.548.802
Hàng tồn kho	141		205.668.429.540	213.136.441.614
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.457.940.402)	(1.793.892.812)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.805.612.409	27.923.276.048
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.206.198.347	1.626.546.185
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	16.294.021.407	25.586.886.343
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	590.412.865
Tài sản ngắn hạn khác	155		305.392.655	119.430.655
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		171.480.168.766	175.388.803.609
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	11	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		45.106.414.087	46.123.685.001
Tài sản cố định hữu hình	221	12	45.106.414.087	46.123.685.001
Nguyên giá	222		352.531.114.990	350.859.644.147
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(307.424.700.903)	(304.735.959.146)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		300.000.000	4.230.182.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	300.000.000	4.230.182.354
Tài sản dài hạn khác	260		3.272.107.242	2.233.288.817
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.299.822.288	1.810.611.002
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		972.284.954	422.677.815
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		828.771.804.934	692.180.388.891

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

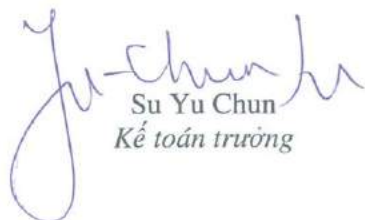
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		374.225.338.093	257.690.500.924
Nợ ngắn hạn	310		374.225.338.093	257.690.500.924
Phải trả người bán	311	15	10.664.775.330	5.453.388.057
Người mua trả tiền trước	312		3.340.140.240	3.670.280.518
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(b)	4.272.110.087	507.203.972
Phải trả người lao động	314		3.794.324.052	5.184.081.600
Chi phí phải trả	315		4.596.044.146	2.205.156.747
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.688.949.957	31.921.497
Vay ngắn hạn	320	18	339.868.994.281	240.638.468.533
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		454.546.466.841	434.489.887.967
Vốn chủ sở hữu	410	19	454.546.466.841	434.489.887.967
Vốn cổ phần	411	20	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	20	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	104.304.882.632	104.160.685.081
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.614.973.572	23.702.592.249
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.233.360.645	40.624.711.250
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế kỳ này/năm trước	421b		22.381.612.927	(16.922.119.001)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		828.771.804.934	692.180.388.891

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	565.007.245.880	510.848.201.145
Giá vốn hàng bán	11	25	509.734.457.747	478.386.317.576
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		55.272.788.133	32.461.883.569
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	9.438.435.593	8.592.907.702
Chi phí tài chính	22	27	11.474.417.687	23.300.304.379
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.930.212.848	13.657.987.575
Chi phí bán hàng	25	28	11.753.698.014	8.664.044.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.324.797.027	14.457.807.631
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		28.158.310.998	(5.367.365.733)
Thu nhập khác	31		71.012.531	47.159.320
Chi phí khác	32		956.205.080	46.514
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(885.192.549)	47.112.806
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.273.118.449	(5.320.252.927)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.441.112.661	752.913.226
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(549.607.139)	158.319.795
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.381.612.927	(6.231.485.948)

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	27.273.118.449	(5.320.252.927)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.096.541.068	5.268.923.270
Các khoản dự phòng	03	3.664.047.590	(1.055.465.304)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.942.322.637	(4.897.048.652)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(69.000.000)	-
Lãi tiền gửi *	05	(3.234.258.707)	(1.897.522.006)
Chi phí lãi vay	06	6.930.212.848	13.657.987.575
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.602.983.885	5.756.621.956
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(10.140.207.538)	117.520.620.112
Biến động hàng tồn kho	10	7.468.012.074	(44.896.430.341)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	3.836.494.144	(9.617.417.745)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.068.863.448)	(295.633.245)
		41.698.419.117	68.467.760.737
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.901.280.666)	(14.627.442.155)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(685.529.109)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.513.583)	(814.730.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.087.095.759	53.025.588.169
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.864.567.800)	(717.551.570)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	69.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(141.000.000.000)	(67.282.301.370)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	70.167.310.000	95.282.301.370
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.730.260.454	2.586.419.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.897.997.346)	29.868.867.626

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	447.451.691.738	450.069.395.380
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(349.075.591.399)	(454.860.983.585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	98.376.100.339	(4.791.588.205)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	61.565.198.752	78.102.867.590
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	33.765.894.300	69.889.236.300
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	74.684.640	258.157.146
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	95.405.777.692	148.250.261.036

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Trụ sở chính có 225 nhân viên (1/1/2024: 227 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu là phát sinh khi Trụ sở chính phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lơ lửng theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Trụ sở chính

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Trụ sở chính kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.366.244.000	553.255.000
Tiền gửi ngân hàng	93.709.533.692	31.944.067.797
Các khoản tương đương tiền	330.000.000	1.268.571.503
	95.405.777.692	33.765.894.300

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm 2,6% trong kỳ (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 2,5% đến 5,0% một năm).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	3% - 6%	133.584.671.656	62.751.981.656

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2024: 1.240 triệu VND).

9. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	5.285.259.932	4.151.354.856
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	75.445.262.440	33.323.422.726
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	22.470.493.149	23.667.127.691
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	28.478.745.495	25.256.283.679
Các khách hàng khác	67.219.714.869	70.333.866.733
	198.899.475.885	156.732.055.685

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trả trước cho người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Đức Biên để mua nguyên vật liệu	-	23.562.303.138
Trả trước cho Công ty TNHH PCCC Tâm Đức Phát để mua tài sản dài hạn	2.502.000.000	834.000.000
Trả trước cho Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Vĩnh Minh Việt Nam để mua tài sản dài hạn	1.047.480.000	-
Nhà cung cấp khác	193.997.634	111.017.182
	3.743.477.634	24.507.320.320

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ Chi nhánh	5.369.625.030	-
Lãi phải thu	2.296.466.012	792.467.759
	7.666.091.042	792.467.759

10. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.485.534.131	-	-	-
Nguyên vật liệu	51.757.505.580	(1.695.177.902)	31.792.620.908	-
Sản phẩm dở dang	47.623.159.262	(3.434.874.809)	62.287.454.022	(112.540.086)
Thành phẩm	100.802.230.567	(327.887.691)	119.056.366.684	(1.681.352.726)
	205.668.429.540	(5.457.940.402)	213.136.441.614	(1.793.892.812)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	1.793.892.812	2.158.359.187
Tăng dự phòng trong kỳ	3.664.047.590	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.055.465.304)
Số dư cuối kỳ	5.457.940.402	1.102.893.883

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 24.914 triệu VND nguyên vật liệu, 147.983 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2024: 57.375 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	80.222.207.522	253.727.470.420	9.356.758.516	5.007.639.882	2.545.567.807	350.859.644.147
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.079.270.154	-	-	-	4.079.270.154
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	-	-	-	(2.407.799.311)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	80.222.207.522	255.398.941.263	9.356.758.516	5.007.639.882	2.545.567.807	352.531.114.990
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	67.166.525.887	222.317.738.447	8.850.695.338	3.962.962.467	2.438.037.007	304.735.959.146
Khấu hao trong kỳ	734.465.532	4.139.654.084	54.221.052	154.238.400	13.962.000	5.096.541.068
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	-	-	-	(2.407.799.311)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	67.900.991.419	224.049.593.220	8.904.916.390	4.117.200.867	2.451.999.007	307.424.700.903
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	13.055.681.635	31.409.731.973	506.063.178	1.044.677.415	107.530.800	46.123.685.001
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	12.321.216.103	31.349.348.043	451.842.126	890.439.015	93.568.800	45.106.414.087

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 241.409 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 239.552 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.230.182.354
Tăng trong kỳ	149.087.800
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.079.270.154)
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	300.000.000
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
Máy móc và thiết bị	-	3.930.182.354
	<hr/>	<hr/>
	300.000.000	4.230.182.354
	<hr/>	<hr/>

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.083.818.011	726.792.991	1.810.611.002
Tăng trong kỳ	-	753.132.676	753.132.676
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(235.497.110)	(263.921.390)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.055.393.731	1.244.428.557	2.299.822.288
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

	30/6/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	1.561.638.931	727.665.337
<i>Các bên thứ ba</i>		
Fu Pao Chemical Co., Ltd.	2.334.486.076	-
Công ty TNHH Vinacompound	1.739.540.000	942.480.000
Tong Hsieh Chemical Industrial Co., Ltd	1.406.695.536	1.332.355.200
Các nhà cung cấp khác	3.622.414.787	2.450.887.520
	10.664.775.330	5.453.388.057

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	25.586.886.343	47.898.704.641	(29.470.000.000)	(27.721.569.577)	16.294.021.407

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh * VND	Nộp VND	Cán trừ VND	Phân loại lại VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	27.721.569.577	-	(27.721.569.577)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	35.763.589.549	(35.763.589.549)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.441.112.661	(685.529.109)	-	(590.412.865)	4.165.170.687
Thuế thu nhập cá nhân	507.203.972	350.265.937	(750.530.509)	-	-	106.939.400
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.188.194.797	(1.188.194.797)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	567.842.585	(567.842.585)	-	-	-
	507.203.972	71.032.575.106	(38.955.686.549)	(27.721.569.577)	(590.412.865)	4.272.110.087

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	7.670.145.500	-
Phải trả khác	18.804.457	31.921.497
	<hr/>	<hr/>
	7.688.949.957	31.921.497
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong kỳ		30/6/2024
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	240.638.468.533	447.451.691.738	(349.075.591.399)	854.425.409	339.868.994.281

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	100.002.311.148	-
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	88.329.495.931	50.042.181.794
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	49.794.246.116	1.132.779.026
Ngân hàng E.SUN Commercial Bank, Chi nhánh Đồng Nai	4,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 0,75%	37.944.850.175	-
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking	72 tỷ VND	VNIBOR 6 tháng + 1,3%	34.493.096.920	62.937.349.516
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	21.797.156.444	119.304.404.123
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	8,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 2,75%	3.585.447.520	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa	50 tỷ VND	3,6%	2.462.360.027	5.795.747.074
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	1.460.030.000	1.426.007.000
			339.868.994.281	240.638.468.533

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	53.365.894.178	459.360.658.053
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.792.531.843	(4.792.531.843)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(814.730.413)	(814.730.413)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 21)	-	-	-	(12.272.232.800)	(12.272.232.800)
Cổ tức – 41,87% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 21)	-	-	-	5.138.312.128	5.138.312.128
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(6.231.485.948)	(6.231.485.948)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	34.393.225.302	445.180.521.020
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	23.702.592.249	434.489.887.967
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	144.197.551	(144.197.551)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(24.513.583)	(24.513.583)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 21)	-	-	-	(7.670.145.500)	(7.670.145.500)
Cổ tức – 70,01% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 21)	-	-	-	5.369.625.030	5.369.625.030
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	22.381.612.927	22.381.612.927
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	43.614.973.572	454.546.466.841

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

21. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 22 tháng 4 năm 2024 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 7.670 triệu VND (250 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 12.272 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 29,99% và 70,01% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: tỷ lệ lần lượt là 58,13% và 41,87%).

22. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	3.624.670.800	3.624.670.800
Trong vòng hai đến năm năm	14.498.683.200	14.498.683.200
Sau năm năm	39.758.768.900	41.571.104.300
	57.882.122.900	59.694.458.300

(b) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.494.894	63.003.877.335	107.024	2.577.100.892

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	557.915.368.880	504.488.061.545
▪ Bán hàng hóa	9.582.000	31.944.600
▪ Bán phế liệu	7.082.295.000	6.328.195.000
	565.007.245.880	510.848.201.145

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	506.063.934.829	479.421.860.820
▪ Hàng hóa đã bán	6.475.328	19.922.060
▪ Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.664.047.590	(1.055.465.304)
	509.734.457.747	478.386.317.576

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.234.258.707	1.897.522.006
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.204.176.886	6.695.385.696
	9.438.435.593	8.592.907.702

27. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	6.930.212.848	13.657.987.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.544.204.839	9.642.316.804
	11.474.417.687	23.300.304.379

28. Chi phí bán hàng

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	4.317.645.163	4.172.209.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.592.383	948.628.201
Chi phí khác	6.469.460.468	3.543.207.398
	11.753.698.014	8.664.044.994

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	6.597.647.396	7.199.814.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.448.548.878	4.465.143.528
Chi phí khác	2.278.600.753	2.792.849.373
	13.324.797.027	14.457.807.631

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	432.985.759.024	456.258.737.027
Chi phí nhân công và nhân viên	23.152.781.232	23.682.413.928
Chi phí khấu hao	5.096.541.068	5.268.923.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.353.936.154	21.880.656.523
Chi phí khác	16.634.981.515	17.721.627.019

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.441.112.661	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	752.913.226
	5.441.112.661	752.913.226
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(549.607.139)	158.319.795
	4.891.505.522	911.233.021

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	27.273.118.449	(5.320.252.927)
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	4.090.967.767	(798.037.939)
Chi phí không được khấu trừ thuế	492.522.523	419.317.734
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	308.015.232	537.040.000
Dự phòng thiếu*trong những kỳ trước	-	752.913.226
	4.891.505.522	911.233.021

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế.

Ưu đãi thuế suất trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Phí bản quyền và phí UL (*)	894.246.331	808.222.354	1.561.638.931	727.665.337
Phí dịch vụ	9.934.470.000	9.618.750.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối (**)	6.138.793.000	9.822.068.800	6.138.793.000	-
Chi nhánh				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	1.911.817.380	591.559.980	-	-
Cổ tức phải thu	5.369.625.030	5.138.312.128	5.369.625.030	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	18.112.148.917	17.904.422.909	5.285.259.932	4.151.354.856
Mua nguyên vật liệu	5.775.000	-	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên				
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	982.030.188	814.730.413	-	-
Thù lao cho thành viên				
Ban Tổng Giám đốc	439.217.400	465.762.100	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	117.240.750	178.385.200	117.240.750	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch				
	-	125.644.246	-	12.820.744

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao), Trụ sở chính có quyền sử dụng thương hiệu và chứng chỉ UL của 8 sản phẩm sở hữu bởi Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.
- (**) Đây là toàn bộ cổ tức phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 70,01% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 41,87%) được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 21).

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

